

114學年度第2學期國際專修部(1+4學程)之學生核錄名冊

學校名稱：東南科技大學

科系：機械工程系

序	中文姓名	英文姓名	性別	國籍	出生日期 (西元年/月/日)	備註
1	梅○○如	MAI THI QUYNH NHU	女	越南	2007/03/04	正取
2	丁○○詩	DINH THI MINH THO	女		2007/08/16	正取
3	范○莊	PHAM HONG TRANG	女		2006/01/23	正取
4	范○草	PHAM THU THAO	女		2007/11/30	正取
5	朱○偵	CHU THI TRINH	女		2007/05/20	正取
6	阮○○翠	NGUYEN THI CAM THUY	女		2007/07/22	正取
7	范○○燕	PHAM VU BAO YEN	女		2007/02/04	正取
8	吳○○水	NGO THI BICH THUY	女		2007/08/19	正取
9	阮○花	NGUYEN THI HOA	女		2007/11/14	正取
10	王○○原	VUONG THI THAO NGUYEN	女		2007/09/21	正取
11	阮○月	NGUYEN THI NGUYET	女		2007/01/09	正取
12	黎○茹	LE TUYET NHU	女		2007/01/23	正取
13	吳○定	NGO GIA DINH	男		2007/09/19	正取
14	黎○萍	LE THI BINH	女		2007/06/20	正取
15	杜○○絨	DO THI HONG NHUNG	女		2006/08/03	正取
16	唐○春	DUONG THANH XUAN	女		2007/09/26	正取
17	潘○福	PHAN VAN PHUC	男		2007/03/12	正取
18	阮○源	NGUYEN KHOI NGUYEN	男		2007/10/20	正取
19	裴○○薇	BUI THI TUONG VY	女		2006/02/28	正取
20	范○芝	PHAM QUYNH CHI	女		2007/12/23	正取
21	范○德	PHAM XUAN DUC	男		2005/12/10	正取
22	馮○謹	PHUNG TON CAN	男		2007/02/06	正取
23	范○○河	PHAM THI THU HA	女		2007/11/20	正取
24	阮○江	NGUYEN VAN GIANG	男		2007/04/23	正取
25	黃○傑	HOANG ANH KIET	男		2007/12/23	正取
26	梁○德	LUONG HUYNH DUC	男		2007/01/28	正取
27	阮○○英	NGUYEN THI LAN ANH	女		2007/02/18	正取
28	范○○水	PHAM THI THU THUY	女		2007/12/05	正取
29	阮○決	NGUYEN MINH QUYET	男		2007/08/25	正取
30	賴○惠	LAI THI HUE	女		2007/12/07	正取
31	阮○○花	NGUYEN THI NGOC HOA	女		2007/12/11	正取
32	阮○維	NGUYEN VAN DUY	男		2007/02/20	正取
33	阮○○慶	NGUYEN THI AN KHANH	女		2007/04/14	正取
34	阮○○青	NGUYEN THI MY THANH	女		2007/04/25	正取
35	阮○達	NGUYEN THE DAT	男		2007/05/28	正取
36	阮○陽	NGUYEN THUY DUONG	女		2007/04/11	正取
37	潘○盛	PHAN HUU THINH	男		2007/01/09	正取
38	潘○士	PHAN TRONG SU	男		2006/07/10	正取
39	阮○○映	NGUYEN THI NGOC ANH	女		2006/12/17	正取
40	阮○○銀	NGUYEN THI KIM NGAN	女		2007/10/15	正取

序	中文姓名	英文姓名	性別	國籍	出生日期 (西元年/月/日)	備註
41	阮○英	NGUYEN DUY ANH	男	越南	2007/11/22	正取
42	杜○榮	DO QUANG VINH	男		2005/02/28	正取
43	朱○蝶	CHU VAN DIEP	男		2007/07/13	正取
44	潘○○茹	PHAN CHU TUYET NHU	女		2007/09/14	正取
45	阮○英	NGUYEN LAN ANH	女		2006/11/19	正取
46	阮○夏	NGUYEN HONG HA	女		2006/08/20	正取
47	高○勇	CAO HUU DUNG	男		2007/04/22	正取
48	楊○英	DUONG HA ANH	女		2007/11/30	正取
49	阮○○達	NGUYEN VAN TIEN DAT	男		2006/08/18	正取
50	胡○荳	HO THI HUONG	女		2007/11/13	正取
51	趙○芝	TRIEU THI CHI	女		2007/08/06	正取
52	陳○○江	TRAN THI HUONG GIANG	女		2007/04/19	正取
53	陳○○荳	TRAN THI THUY HUONG	女		2007/10/06	正取
54	阮○瓊	NGUYEN DUC QUYNH	男		2007/03/10	正取
55	裴○○龍	BUI TRAN HOANG LONG	男		2006/05/13	正取
56	范○英	PHAM TUAN ANH	男		2007/07/14	正取
57	阮○嬌	NGUYEN THI KIEU	女		2005/11/20	正取
58	阮○○原	NGUYEN TRAN PHUOC NGUYEN	男		2007/08/23	正取
59	陳○仁	TRAN THI NHAN	女		2007/08/12	正取
60	胡○○水	HO THI THU THUY	女		2007/10/02	正取
61	阮○勇	NGUYEN TIEN DUNG	男		2007/08/05	正取
62	陳○良	TRAN THI LANH	女		2005/03/15	正取
63	阮○玲	NGUYEN PHUONG LINH	女		2007/09/27	正取
64	吳○越	NGO QUOC VIET	男		2007/01/26	正取
65	阮○薇	NGUYEN THI VY	女		2006/12/27	正取
66	阮○裕	NGUYEN NGOC GIAU	女		2007/10/13	正取
67	阮○深	NGUYEN THI THAM	女		2007/05/28	正取
68	李○絨	LY THI NHUNG	女		2007/03/20	正取
69	阮○玄	NGUYEN KHANH HUYEN	女		2007/02/16	正取
70	范○○蘭	PHAM THI PHUONG LAN	女		2006/07/12	正取
71	阮○全	NGUYEN PHUOC TOAN	男		2007/06/24	正取
72	陳○瓊	TRAN VAN QUYNH	男		2007/09/01	正取
73	阮○光	NGUYEN NGOC QUANG	男		2005/07/10	正取
74	吳○登	NGO QUOC DANG	男		2007/04/17	正取
75	黎○煌	LE BA HOANG	男		2006/04/04	正取
76	申○決	THAN VAN QUYET	男		2007/04/23	正取
77	鄧○兒	DANG YEN NHI	女		2007/08/07	正取
78	黃○○團	HOANG VAN THANH DOAN	男		2007/07/24	正取
79	阮○龍	NGUYEN DUC LONG	男		2006/09/06	正取